TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2018/DS-PT
Ngày: 26/3/2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Huỳnh Tuyết Mai**

2. Ông **Uông Văn Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2017/TLPT-DS ngày 11/8/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 280/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1101/2018/QĐ-PT ngày 09/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Huỳnh V**, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 9790, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGĐ lập ngày 05/10/2017 tại Phòng công chứng W, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Cao Văn T**, sinh năm 1939 (chết năm 2016).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

2.1. Ông Cao Văn Đ1, sinh năm: 1957 (chết năm 1992).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963 (vắng mặt)
2.1.2. Ông Cao Đức C, sinh năm 1989 (vắng mặt)
2.1.3. Ông Cao Đức T1, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Cao Thị L, sinh năm 1959 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Cao Thị D, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Bà Cao Thị T2, sinh năm 1964 (vắng mặt)
2.5. Ông Cao Văn T3, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Ông Cao Văn H1, sinh năm 1972 (chết năm 2015)
Những người thuộc Hng thừa kế thứ nhất của ông H1:
2.6.1. Bà Lâm Thị Bích H2, sinh năm 1972 (vắng mặt)
2.6.2. Cháu Cao Nhật H3, sinh năm 2002 (vắng mặt)
2.6.3. Cháu Lâm Nhật H4, sinh năm 2005 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông C, ông T1, bà L, bà D, bà T2, ông T3, bà H2, cháu H3 và cháu H4: Ông Châu Văn T4, sinh năm 1978 (Hợp đồng ủy quyền số 22457, quyển số 11 lập ngày 24/11/2016 tại Trung tâm chữa bệnh Đ (tỉnh B) và tại Văn phòng công chứng N; Hợp đồng ủy quyền số 22036, quyển số 11 lập ngày 20/11/2016 và 21/11/2016 tại địa chỉ số Q, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. và tại Văn phòng công chứng N) (có mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị S, sinh năm 1945 (vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền số công chứng 023690, quyển số 11/TP/CC-SCC/HĐGĐ lập ngày 04/11/2017 tại Văn phòng Công chứng M).

2. Bà Nguyễn Thị Phương D1, sinh năm 1965 (xin vắng)
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc D2, sinh năm 1963 (xin vắng)
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T5, sinh năm 1972 (chết ngày 09/6/2011)
5. Bà Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1977 (xin vắng)
6. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1980 (xin vắng)
Cùng địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh năm 1975 (xin vắng)

Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Lưu Văn X, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Ông Châu Văn T4, sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền số công chứng 015083, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐGĐ lập ngày 19/9/2017 tại Văn phòng Công chứng L) (có mặt)

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2008 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh V trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 5.241,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76, tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa lạc tại xã Y, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh là của Nguyễn Văn C1 (ông nội của ông V) làm giấy cho ông V theo "Tờ cho đứt ruộng đất" ngày 05/5/1963. Năm 1967, ông C1 chết, ông Nguyễn Huỳnh L1 (em ông V) là người ở chung nhà với ông C1 được ông V giao cho quản lý, sử dụng phần đất này, do ông V đến tỉnh Đ dạy học.

Đến năm 1979, ông V biết được ông L1 đã giao phần đất này cho ông Cao Văn T làm ruộng trong 02 năm để trừ nợ. Năm 1993, ông V đi kê khai phần đất này nhưng không được do đất đang có tranh chấp. Việc ông T cho rằng ông L1 đã bán cho ông T phần đất này với số tiền 700.000 đồng vào năm 1972 là không đúng, vì ông L1 xác định không có bán đất, phía ông T không có giấy tờ gì chứng minh cho việc mua bán trên. Và việc mua bán đất nếu có thì cũng không hợp pháp vì phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông V.

Từ nội dung trên, theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Huỳnh V yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn T trả lại phần đất có diện tích khoảng 5.000m^2. Nay ông Nguyễn Huỳnh V yêu cầu nhà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Văn T phải trả lại cho ông V phần đất đo vẽ thực T theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 26/01/2015 đất đang tranh chấp có diện tích 5.241,9m^2.

Đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Châu Văn T4 trình bày:

Toàn bộ phần đất đang tranh chấp có diện tích 5.241,9m^2 nêu trên đã được ông Cao Văn T mua lại của ông Nguyễn Huỳnh L1 và bà Hà Thị S bằng giấy tay vào năm 1972. Giấy này hiện đã bị thất lạc trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhàân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua đất, ông T cùng gia đình đã trực tiếp canh tác, sử dụng liên tục và có dựng 01 căn nhà cấp bốn tại địa chỉ số: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1978.

Đến năm 1999 ông V có yêu cầu tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã Y tiến hành hòa giải và hai bên đã thương lượng hòa giải thành với nội dung: ông T đồng ý đổi cho ông V 500m^2 đất phía mặt tiền đường B để ông T lấy thêm phần đất phía đuôi dài ra cho đủ diện tích đã chuyển nhượng để ông T làm đường thoát nước. Tuy nhiên phía ông V sau đó không thực hiện.

Trong quá trình canh tác, sử dụng nhà đất, ông T có kê khai đăng ký và đóng thuế đất hàng năm theo quy định pháp luật, sử dụng nhà đất đúng mục đích, đúng nhu cầu. Do đó, việc ông V tranh chấp nhà đất với ông T là không có cơ sở pháp lý.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh V. T1 hợp Tòa án buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T phải trả lại phần đất nêu trên, thì phía bị đơn không yêu cầu ông V phải bồi thường lại giá trị của các tài sản hiện có trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị S, bà Nguyễn Thị Phương D1, bà Nguyễn Thị Ngọc D2, bà Nguyễn Thị Ngọc T5, bà Nguyễn Thị Như N, bà Nguyễn Thị Tuyết N1, bà Nguyễn Thị Ngọc V1 cùng trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà để lại cho ông Nguyễn Huỳnh V. Do ông V đi Đồng Tháp dạy học nên để lại cho ông Nguyễn Huỳnh L1 trông coi và canh tác. Ông L1 không có bán phần đất này cho ông Cao Văn T, mà vào năm 1976 ông L1 có mượn của ông T 700.000 đồng nên ông L1 giao đất cho ông T làm ruộng trong 02 năm để trừ nợ. Sau 02 năm, gia đìnhà ông L1 có đòi lại đất nhàưng ông T không trả. Đến năm thứ 03, ông T vẫn tiếp tục làm ruộng nên gia đình ông L1 đã bít đường dẫn nước lại. Vì vậy, ông T đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z và tranh chấp kéo dài cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn X trình bày:

Theo ông nghe nói lại, phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông T mua lại của ông Nguyễn Huỳnh L1 vào năm 1972. Sau khi mua đất, ông T đã trực tiếp canh tác, sử dụng liên tục cho đến nay và có xây dựng trên đất 01 căn nhà cấp bốn mang số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. vào khoảng năm 1978, ông Lưu Văn X xác định được ông Cao Văn T cho ở nhờ tại căn nhà có đất từ năm 1990 cho đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của ông V, ông X không có ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2010/DSST ngày 05/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện Z đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Huỳnh V.

- Công nhận phần đất có diện tích 5.478m^2 thuộc một phần các thửa 74, 75, 76, 77, mương, đường tờ bản đồ số 22, Bộ địa chính xã Y, huyện Z (Theo tài liệu năm 2006); Tọa lạc tại địa chỉ X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Huỳnh V. Ông Nguyễn Huỳnh V có nghĩa vụ liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc bị đơn ông Cao Văn T giao trả cho ông Nguyễn Huỳnh V phần đất có diện tích 5.478m^2 thuộc một phần các thửa 74, 75, 76, 77, mương, đường tờ bản đồ số 22, Bộ địa chính xã Y, huyện Z (Theo tài liệu năm 2006); Tọa lạc tại địa chỉ X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Huỳnh V đồng ý hỗ trợ cho ông Cao Văn T số tiền 50.000.000 đồng là tiền công gìn giữ, tôn tạo đất.

- Ghi nhàận sự tự nguyện của bà Cao Thị T2 là đại diện hợp pháp của ông Cao Văn T không yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh V bồi hoàn giá trị cây cối, nhà cửa trên đất khi giao trả đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2010, ông Cao Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1024/2011/DSPT ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Hủy Bản án sơ thẩm số 30/2010/DSST ngày 05/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện Z.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần 2:

Ông Nguyễn Huỳnh V vẫn không thay đổi nội dung khởi kiện, tiếp tục yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Văn T phải trả lại cho ông V phần đất đang tranh chấp được đo vẽ thực T có diện tích 5.241,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76, tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa lạc tại xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/01/2015;

Ông Châu Văn T4 người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn xác định phần đất đang tranh chấp do ông Cao Văn T mua lại của ông Nguyễn Huỳnh L1 bằng giấy tay vào năm 1972, gia đìnhà ông T quản lý, sử dụng đất ổn định đến nay, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 280/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhàân dân huyện Z đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Huỳnh V khởi kiện ông Cao Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 5.241,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76 tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa

lạc tại xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/01/2015.

2. Công nhận phần đất có diện tích 5.241,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76, tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa lạc tại xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/01/2015 thuộc quyền sử dụng của ông Cao Văn T.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Văn T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 10/7/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa T2 được với nhau giải quyết vụ án.

Ông Đ đại diện ông V và bà S yêu cầu sửa án sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu của ông V buộc các thừa kế của ông T phải giao trả phần đất có diện tích 5.241,9m^2 tại X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông V với các căn cứ là phần đất này ông V được ông nội cho theo Tờ cho đứt ruộng đất ngày 05/5/1963, vì đi dạy học ở Đ nên giao cho ông L1 quản lý, sử dụng từ năm 1967; phía ông T khai có nhiều mâu thuẫn về thời gian sử dụng đất về việc chuyển nhượng, đăng ký, đóng thuế.

Ông T4 đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T và đại diện cho ông X yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Nhàững người khác xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo cua ông V, giữ nguyên án sơ thẩm, vì: Phía ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng, kê khai đăng ký, đóng thuế phần đất tranh chấp từ trước năm 1975 cho đến nay. Ông V khởi kiện và kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phần đất có diện tích 5.241,9m^2 mà ông V tranh chấp với ông T là đất nông nghiệp trồng lúa, thực T từ trước năm 1975 ông T đã là người trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay, có đăng ký kê khai, đóng thuế.

Việc ông V có tờ cho đứt ruộng đất ngày 05/5/1965 nếu đúng là có phần đất này thì cũng chỉ có giá trị để tham khảo chứ không có giá trị công nhận quyền sử dụng đất theo quy địnhà.

Ông V khai tại bút lục số 369 có nội dung: Từ 1967 ông L1 là người sử dụng phần đất này, năm 1979 ông mới biết ông L1 đã giao phần đất này cho ông T sử dụng để trừ nợ trong 02 năm do ông L1 thiếu vợ chồng ông T 700.000.

Căn cứ biên bản về việc giải quyết đường thoát nước giữa ông T với ông L1 tại Ủy ban nhân dân xã Y lập ngày 18/6/1987 (bút lục số 309) lời khai của phía nguyên đơn, bị đơn thì ông T có đưa cho ông L1 700.000 đồng tiền chế độ cũ để được sử dụng phần đất mà các bên đang tranh chấp.

Việc có chuyển nhượng hay cầm cố cho sử dụng để trừ nợ thì các bên cũng không có giấy tờ gì để chứng minh.

Tuy nhiên thực T là ông T đã quản lý sử dụng đất từ trước giải phóng 1975 sau khi giao cho ông L1 700.000 đồng tiền chế độ cũ.

Ông T có đăng ký kê khai, đóng thuế đất, có làm nhà trên đất từ năm 1976, được cấp số nhà X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Phía ông V hay ông L1 hoặc chính quyền địa phương cũng không ngăn cản, tranh chấp hoặc lập biên bản gì về việc ông T cất nhà.

Ông L1 mất năm 1998 nhàưng trước đó ông V không có tranh chấp với ông T hay ông L1, sau khi ông L1 mất năm 1999 ông V mới tranh chấp với ông T.

Căn cứ các quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ từ 1987, 1993, 2003 và 2013 thì phía ông T là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục, lâu dài là người có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Việc ông V cho rằng ông được cho 27.000m^2, mới được cấp hơn 15.000m^2, còn lại là đất đang tranh chấp và đất làm đường là không có căn cứ vì không có cơ sở để xác định đất thuộc sổ địa bộ 458 hoặc đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V. Biên bản hòa giải thành ngày 28/7/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Y phía ông V và ông T đã thỏa T2 đổi đất cho nhau nhưng sau đó không thực hiện và tiếp tục tranh chấp.

Xét ngoài tờ cho đứt ruộng đất ngày 05/5/1965 ông V không có gì chứng minh nhu cầu và quá trình sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp theo quy định.

Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V là có căn cứ đúng pháp luật, ông V kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông V không được chấp nhận.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: ông V phải chịu.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNHÀ

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật đất đai năm 1987;

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Huỳnh V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Huỳnh V khởi kiện ông Cao Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 5.241,9m^2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76 tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/01/2015.

2. Công nhận phần đất có diện tích 5.241,9m2, thuộc một phần thửa đất số 74, thửa đất số 75, 76, tờ bản đồ số 22 (tài liệu năm 2006), tọa lạc tại xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 29/01/2015 thuộc quyền sử dụng của ông Cao Văn T.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Văn T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 118.483.800 đồng (Một trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng) ông Nguyễn Huỳnh V phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 005661 quyển số 0114 ngày 08/01/2009 của Thi hành án dân sự huyện Z. Ông Nguyễn Huỳnh V còn phải nộp 101.983.800 đồng (Một trăm lẻ một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Huỳnh V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032173 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.Z;
- Chi cục THADS H.Z;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị X Trang